TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2024
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Đoàn Minh Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lô Thị H, sinh năm 1999; hộ khẩu thường trú: Bản Y, xã Y, huyện T, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: đường D, căn 5E-26, tổ A, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lô Thị H trình bày:

Về hôn nhân: bà H và ông Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L thường xuyên tụ tập ăn nhậu không lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm và không tin tưởng nhau. Bà H đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Bà H và ông L đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Nay bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: quá trình chung sống, bà H và ông L có một con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2020 đang sống cùng bà H. Bà H yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: bà H không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp. Bà H khai nguyên nhân mâu thuẫn do ông L thường xuyên ăn nhậu không lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau và không sống chung với nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, bà H và ông L là vợ chồng nhưng không yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không sống chung với nhau là không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Nhận thấy hôn nhân của bà H và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, quyết định cho bà H và ông L ly hôn.

Về nuôi con chung: bà H và ông L có một con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2020, bà H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Xét cháu N hiện hơn 04 tuổi và đang sống cùng bà H; công việc, thu nhập hàng tháng của bà H ổn định. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, ông L có trách nhiệm giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: bà H và ông L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lô Thị H đối với ông Nguyễn Văn L về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho bà Lô Thị H ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về nuôi con chung: ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2020 cho bà Lô Thị H trực tiếp nuôi. Bà Lô Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu.

Về chia tài sản và nợ chung: bà Lô Thị H và ông Nguyễn Văn L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: bà Lô Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Lô Thị H đã nộp theo biên lai số 0003464 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Bà Lô Thị H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND X.An Khánh, H . Châu Thành, T.Đồng Tháp;
(Giấy CNKH số 133/2019, đăng ký ngày 12/12/2019);
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến